

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Thành Nhân
năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1444	369	469	606	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1440 99,72%	367 99,46%	467 99,57%	606 100%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,27%	2 0,54%	2 0,43%	0	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1444	369	469	606	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	917 63,61%	205 55,56%	274 58,42%	437 72,11%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	474 32,82%	143 38,75%	162 34,54%	169 27,89%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	54 3,73%	21 5,69%	33 7,04%	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1444	369	469	606	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1444	369	469	606	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	913 63,22%	204 55,2%	272 58%	437 72,11%	



b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	491 34,00%	149 40,3%	173 36,8%	169 27,89%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	40 2,77%	16 4,34%	24 5,12%		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	31/23	16/8	12/13	3/2	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	7	2	2	3	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	606			606	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	606			606	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	606			606	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		369/134	469/188	606/252	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	20	5	5	10	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



NGUYỄN ĐÌNH ĐỘ